



zhāo dài huì

招待会

noun · a reception

Example Sentence

xīn rèn lǐng shì jiāng zài xià zhōu de zhāo dài huì shàng fā biǎo zhèng shì yǎn jiǎng
新任领事将在下周的招待会上发表正式演讲。

The newly appointed consul will deliver a formal speech at the reception next week.

Trace each character, then write the word on your own.

招	招	招	招	招	招	招	招	招	招	招
待	待	待	待	待	待	待	待	待	待	待
会	会	会	会	会	会	会	会	会	会	会